TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST–DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Tân, xã C, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Tân, xã C, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quan hệ quen biết nên bà Lê Thị M có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ, cụ thể:

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 20/4/2021 (âm lịch), hụi có 19 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt đầu tiên nhưng không được nên bà Ngân (không rõ họ tên) có chơi cùng dây hụi mua lại (hình thức là bà Ngân đưa số tiền hụi mà mà Mai hốt được cho bà, bà giao cho bà M, hàng tháng bà M đóng 1.000.000 đồng hụi chết thì bà lấy 700.000 đồng còn 300.000 đồng giao lại cho bà Ngân). Đối với dây hụi này thì bà M đóng hụi chết được 13 lần còn lại 5 lần không đóng là 5.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 29/8/2021 (âm lịch), hụi có 16 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt đầu tiên, sau đó bà M đóng hụi chết được 10 lần, còn 05 lần chưa đóng là 5.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 10/01/2022 (âm lịch), hụi có 18 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt đầu tiên, sau đó bà M đóng hụi chết được 08 lần, còn 09 lần chưa đóng là 9.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 02/02/2022 (âm lịch), hụi có 18 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt đầu tiên, sau đó bà M đóng hụi chết được 04 lần, còn 13 lần chưa đóng là 13.000.000 đồng. Dây hụi này là chưa mãn.

- Hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 08/10/2021 (âm lịch), hụi có 18 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, tháng 6/2022 bà M hốt hụi, sau khi hốt hụi thì bà M không đóng hụi chết 09 lần là 9.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

- Hụi 200.000 đồng/tuần khui ngày 28/4/2022 (âm lịch), hụi có 49 hụi viên, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt vào 06/5/2022 (âm lịch), sau đó bà M đóng lại được 12 tuần còn lại 20 tuần là không đóng nên bà M còn nợ là 4.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

Tổng số tiền hụi bà M còn nợ bà là 54.000.000 đồng

Ngoài ra, bà M có vay tiền của bà nhiều lần, cụ thể:

Ngày 17/6/2022 (âm lịch) bà M vay số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 06/8/2022 (âm lịch) bà M vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 20/7/2022 (âm lịch) bà cho bà M vay 10.000.000 đồng hình thức góp ngày, mỗi ngày bà M phải góp 500.000 đồng trong 24 ngày nhưng bà M chỉ góp được 4 ngày còn thiếu lại 8.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2022 (âm lịch) bà cho bà M vay 7.000.000 đồng hình thức cũng góp 350.000 đồng/ngày, bà M góp được 06 ngày nhưng do bà M không đóng lãi những phần tiền vay trước nên bà lấy phần góp ngày này trừ qua nên bà M vẫn còn nợ bà 7.000.000 đồng.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/tháng nhưng bà M chưa trả được khoản tiền lãi nào cho bà. Chỉ có phần góp ngày của 7.000.000 đồng thì bà lấy phần đó tính thành tiền lãi của những khoản vay trước.

Tổng số tiền vay bà M còn nợ bà là 55.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 thì bà yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền nợ hụi và tiền vay là 109.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau buổi hòa giải thì đối với phần tiền hụi hiện còn một số dây hụi chưa mãn nên bà xin rút yêu cầu đối với số tiền hụi là 54.000.000 đồng. Đối với phần tiền vay bà M chỉ thừa nhận còn nợ bà 47.000.000 đồng thì và cũng đồng ý, chỉ yêu cầu bà M trả số tiền nợ vay là 47.000.000 đồng. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà M mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ thì bà không đồng ý.

Tại biên bản hòa giải các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị M trình bày:

Do quan hệ hàng xóm quen biết nên vào năm 2019 bà có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng, hình thức góp ngày (vay 20.000.000 đồng mỗi ngày trả 1.000.000 đồng trong vòng 24 ngày là 24.000.000 đồng). Bà vay tiền của bà H rất nhiều lần liên tục từ năm 2019. Đến năm 2022 do làm ăn không thuận lợi

nên bà góp tiền cho bà H không đầy đủ. Bà H chuyển qua tính lãi, hàng ngày bà phải trả lãi cho bà H 200.000 đồng nhưng cũng trả không đầy đủ. Đối với những ngày không trả lãi cho bà H thì bà H cộng vào tiền vốn vay (20.000.000 đồng) từ từ thành số tiền 47.000.000 đồng, bà H buộc bà phải ký tên nhận nợ, bà cũng có ký xác nhận nhưng và bà nghĩ là sẽ trả dần cho bà H đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà chỉ thừa nhận còn nợ bà H số tiền 47.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền này. Tuy nhiên, bà xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với phần tiền hụi bà H khởi kiện thì bà cho rằng bà không có tham gia chơi hụi với bà H nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Bà Nguyễn Thị H thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị M thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Lê Thi Mai trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Mai về việc yêu cầu bà Lê Thị M trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi là 54.000.000 đồng (năm mười bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và bà M.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả tổng số tiền vốn vay là 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà M trả số tiền nợ hụi là 54.000.000 đồng.

Bà H cho rằng bà M có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng cộng lại các lần vay thì bà M còn nợ bà H số tiền 55.000.000 đồng. Căn cứ bà M khởi kiện là Giấy ghi tiền bà M nợ bà H, giấy này do bà M tự viết, không có xác nhận nợ (chữ ký) của bà M. Bà M

thì cho rằng bà có nợ bà H số tiền 47.000.000 đồng nhưng trong đó chỉ có 20.000.000 đồng là tiền vốn vay còn lại là tiền lãi. Tuy nhiên, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét thấy, mặc dù bà H và bà M trình bày không thống nhất với khoản tiền vay. Tuy nhiên, bà M thừa nhận còn nợ bà H số tiền 47.000.000 đồng, bà H cũng đồng ý việc bà M thừa nhận và đồng ý trả cho bà số tiền 47.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà M trả cho bà H số tiền vốn vay là 47.000.000 đồng.

[2.2]. Về lãi suất: bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà M xin được trả dần số tiền nợ nêu trên cho bà H mỗi tháng là 500.000 đồng thì yêu cầu này của bà M không được bà H đồng ý và thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Bà H rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà M trả cho bà H số tiền nợ hụi là 54.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí theo quy định là 2.350.000 đồng (47.000.000 x 5% = 2.350.000 đồng].

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Lê Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị M trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn vay là 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi là 54.000.000 đồng. Nếu sau này có yêu cầu bà H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000 (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003201 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang